

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

PHIẾU ĐIỀU TRA BIẾN ĐỘNG DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH
[THỜI ĐIỂM 0 GIỜ NGÀY 01/4/NĂM ĐIỀU TRA]

Thông tin thu thập tại cuộc điều tra này được thực hiện theo Quyết định số 1693/QĐ-BKHTD ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; được sử dụng và bảo mật theo quy định của Luật Thống kê

ĐỊNH DANH

TỈNH/THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG: _____

HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH HOẶC THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG
ƯƠNG: _____

XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN: _____

THÔN/XÓM/ẤP/BẢN/TỔ DÂN PHỐ: _____

ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA: _____

THÀNH THỊ/NÔNG THÔN (THÀNH THỊ = 1; NÔNG THÔN = 2):

HỌ SỐ:

HỌ VÀ TÊN CHỦ HỘ: _____

ĐỊA CHỈ CỦA HỘ: _____

XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ

Q1. Xin ông/bà cho biết họ và tên những người vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ **được 6 tháng trở lên** **bao gồm cả những người nước ngoài** tính đến 0 giờ ngày 01/4/[NĂM ĐIỀU TRA] không phân biệt có hay không có hộ khẩu thường trú tại hộ (không bao gồm người của hộ là sinh viên đang đi học xa nhà hoặc học sinh phổ thông đang học tại các trường nội trú)?

GHI RÕ HỌ VÀ TÊN CỦA TỪNG NGƯỜI

- | | |
|-----------|-----------|
| 1. _____ | 12. _____ |
| 2. _____ | 13. _____ |
| 3. _____ | 14. _____ |
| 4. _____ | 15. _____ |
| 5. _____ | 16. _____ |
| 6. _____ | 17. _____ |
| 7. _____ | 18. _____ |
| 8. _____ | 19. _____ |
| 9. _____ | 20. _____ |
| 10. _____ | 21. _____ |
| 11. _____ | 22. _____ |

Q2. Trong hộ ông/bà, có ai mới chuyển đến hộ (bao gồm cả trẻ em mới sinh) **chưa được 6 tháng** tính đến 0 giờ ngày 01/4/[NĂM ĐIỀU TRA] nhưng xác định sẽ ăn ở lâu dài tại hộ (ví dụ: con dâu mới về nhà chồng...)?

CÓ.....1 ☐ → NHẬP HỌ VÀ TÊN _____
KHÔNG2 ☐

Q3. Trong tất cả những người đã kể tên có ai là: (NHỮNG NGƯỜI CÓ TRONG CÂU Q1 VÀ CÓ TÊN Q2)

- a. Học sinh phổ thông đến trọ học/ở nhờ?
- b. Sinh viên là người của hộ đang đi học xa nhà?
- c. Người đến hộ dưới 1 năm vì các mục đích: đến chơi/thăm; nghỉ hè, nghỉ lễ; chữa bệnh; công tác; đào tạo ngắn hạn...?
- d. Bộ đội, công an ăn, ở tập trung trong doanh trại/đơn vị?

CÓ KHÔNG

- | | |
|----------------------------|----------------------------|
| 1 ☐ | 2 ☐ |
| 1 ☐ | 2 ☐ |
| 1 ☐ | 2 ☐ |
| 1 ☐ | 2 ☐ |

(NEU CO HOI HO VA TEN VA TICH CHON NHUNG NGUOI CO TRONG CÂU Q1 VA CO TEN Q2)

XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ

Q4. Trong hộ ông/bà, có ai lâu nay vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ nhưng tại thời điểm 0 giờ ngày 01/4/[NĂM ĐIỀU TRA] tạm vắng vì các lý do sau đây không? a. Người đã rời hộ đi làm ăn xa dưới 6 tháng và không có quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động/không có ý định ở lại lâu dài tại nơi hiện đang làm ăn? b. Người điều trị nội trú tại cơ sở y tế? c. Người rời hộ dưới 1 năm vì các mục đích: đi chơi/thăm; nghỉ hè, nghỉ lễ, du lịch; chữa bệnh; công tác; đào tạo ngắn hạn...? d. Học sinh phổ thông đi trọ học/ở nhờ; người đi buôn chuyến; đi tàu viễn dương; đánh bắt hải sản? e. Người đi nước ngoài trong thời hạn cho phép? f. Người bị công an, quân đội tạm giữ?	<table><thead><tr><th>CÓ</th><th>KHÔNG</th></tr></thead><tbody><tr><td>1 ☐ → HỌ VÀ TÊN _____</td><td>2 ☐</td></tr><tr><td>1 ☐ → HỌ VÀ TÊN _____</td><td>2 ☐</td></tr><tr><td>1 ☐ → HỌ VÀ TÊN _____</td><td>2 ☐</td></tr><tr><td>1 ☐ → HỌ VÀ TÊN _____</td><td>2 ☐</td></tr><tr><td>1 ☐ → HỌ VÀ TÊN _____</td><td>2 ☐</td></tr><tr><td>1 ☐ → HỌ VÀ TÊN _____</td><td>2 ☐</td></tr><tr><td colspan="2">(NẾU KHÔNG CÓ AI THUỘC CÁC ĐỐI TƯỢNG TRÊN, CHUYỂN CÂU Q5)</td></tr></tbody></table>	CÓ	KHÔNG	1 ☐ → HỌ VÀ TÊN _____	2 ☐	1 ☐ → HỌ VÀ TÊN _____	2 ☐	1 ☐ → HỌ VÀ TÊN _____	2 ☐	1 ☐ → HỌ VÀ TÊN _____	2 ☐	1 ☐ → HỌ VÀ TÊN _____	2 ☐	1 ☐ → HỌ VÀ TÊN _____	2 ☐	(NẾU KHÔNG CÓ AI THUỘC CÁC ĐỐI TƯỢNG TRÊN, CHUYỂN CÂU Q5)	
CÓ	KHÔNG																
1 ☐ → HỌ VÀ TÊN _____	2 ☐																
1 ☐ → HỌ VÀ TÊN _____	2 ☐																
1 ☐ → HỌ VÀ TÊN _____	2 ☐																
1 ☐ → HỌ VÀ TÊN _____	2 ☐																
1 ☐ → HỌ VÀ TÊN _____	2 ☐																
1 ☐ → HỌ VÀ TÊN _____	2 ☐																
(NẾU KHÔNG CÓ AI THUỘC CÁC ĐỐI TƯỢNG TRÊN, CHUYỂN CÂU Q5)																	
Q5. Có ai vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ nhưng đã chết sau 0 giờ ngày 01/4/[NĂM ĐIỀU TRA] và chưa được kể tên ở trên không?	CÓ1 ☐ → HỌ VÀ TÊN _____ KHÔNG2 ☐ → Q6																
Q6. Những người là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ là: ĐỌC TÊN NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC HIỂN THỊ TRONG DANH SÁCH <i>(NHỮNG NGƯỜI CÓ TÊN CÂU Q1, Q2 SAU KHI LOẠI ĐI NGƯỜI CÂU Q3 VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ TÊN TRONG CÂU Q4 và Q5)</i> _____																	
Q7. Trong số thành viên sau, xin ông/bà cho biết ai là chủ hộ, ai là người nước ngoài? LIỆT KÊ DANH SÁCH NKT TTTT TẠI HỘ ĐỂ CHỌN CHỦ HỘ VÀ CHỌN THÀNH VIÊN LÀ NKT TTTT NGƯỜI NƯỚC NGOÀI <table><thead><tr><th></th><th>CHỦ HỘ</th><th>NGƯỜI NƯỚC NGOÀI</th></tr></thead><tbody><tr><td>1. _____</td><td>☐</td><td>☐</td></tr><tr><td>2. _____</td><td>☐</td><td>☐</td></tr><tr><td>3. _____</td><td>☐</td><td>☐</td></tr></tbody></table>			CHỦ HỘ	NGƯỜI NƯỚC NGOÀI	1. _____	☐	☐	2. _____	☐	☐	3. _____	☐	☐				
	CHỦ HỘ	NGƯỜI NƯỚC NGOÀI															
1. _____	☐	☐															
2. _____	☐	☐															
3. _____	☐	☐															

PHẦN 1: THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN TRONG HỘ

CÂU HỎI	TÊN VÀ SỐ THỨ TỰ	
		_____ _____
1. HỌ VÀ TÊN NHỮNG NGƯỜI LÀ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ, BẮT ĐẦU TỪ CHỦ HỘ.		_____ _____
2. [TÊN] có mối quan hệ thế nào với chủ hộ?	CHỦ HỘ1 ☐	VỢ/CHỒNG 2 ☐ CON ĐỂ 3 ☐ CHÁU NỘI/NGOẠI 4 ☐ BỐ/MẸ 5 ☐ QUAN HỆ GIA ĐÌNH KHÁC 6 ☐ KHÔNG QUAN HỆ GIA ĐÌNH 7 ☐
3. [TÊN] là nam hay nữ?	NAM1 ☐ NỮ2 ☐	NAM1 ☐ NỮ2 ☐
4. [TÊN] sinh vào tháng, năm dương lịch nào?	THÁNG NĂM C6 ← KHÔNG XĐ NĂM9998 ☐	THÁNG NĂM C6 ← KHÔNG XĐ NĂM9998 ☐
5. Hiện nay, [TÊN] bao nhiêu tuổi theo dương lịch?	TUỔI TRÒN	TUỔI TRÒN
6. [TÊN] thuộc dân tộc nào?	DÂN TỘC ☐ (NEU MA DAN TUC KHAC 01, HOI TIẾP): _____ TÊN DÂN TỘC MÃ DÂN TỘC=99 => HỎI: “Các đặc trưng, phong tục tập quán của dân tộc giống tập quán của dân tộc nào?”	DÂN TỘC ☐ (NEU MA DAN TUC KHAC 01, HOI TIẾP): _____ TÊN DÂN TỘC MÃ DÂN TỘC=99 => HỎI: “Các đặc trưng, phong tục tập quán của dân tộc giống tập quán của dân tộc nào?”
6a. Quốc tịch của [TÊN] là Việt Nam hay nước ngoài?	VIỆT NAM 1 ☐ NƯỚC NGOÀI 2 ☐ TÊN VÀ MÃ NƯỚC ←	VIỆT NAM 1 ☐ NƯỚC NGOÀI 2 ☐ TÊN VÀ MÃ NƯỚC ←
6b. Nơi sinh của [TÊN] ở Việt Nam hay nước ngoài?	VIỆT NAM 1 ☐ NƯỚC NGOÀI 2 ☐ TÊN VÀ MÃ NƯỚC ←	VIỆT NAM 1 ☐ NƯỚC NGOÀI 2 ☐ TÊN VÀ MÃ NƯỚC ←
KT1. KIỂM TRA CÂU 4 HOẶC CÂU 5: DƯỚI 5 TUỔI → CÂU 7, KHÁC → KT2		
7. Hiện nay, [TÊN] đã được đăng ký khai sinh chưa?	ĐÃ ĐĂNG KÝ1 ☐ CHƯA ĐĂNG KÝ2 ☐	ĐÃ ĐĂNG KÝ1 ☐ CHƯA ĐĂNG KÝ2 ☐
KT2. KIỂM TRA CÂU 4 HOẶC CÂU 5: HỎI CHO NHỮNG NGƯỜI TỪ 1 TUỔI TRỞ LÊN		

TÊN VÀ SỐ THỨ TỰ CÂU HỎI		
8. [TÊN] đã thường trú ở phường, thị trấn hay xã này được bao lâu?	DƯỚI 1 THÁNG1 ☐ 1 ĐẾN DƯỚI 6 THÁNG2 ☐ 6 ĐẾN DƯỚI 12 THÁNG3 ☐ 12 THÁNG ĐẾN DƯỚI 5 NĂM4 ☐ 5 NĂM TRỞ LÊN5 ☐ KHÔNG DI CHUYỂN6 ☐ KT3 ←	DƯỚI 1 THÁNG1 ☐ 1 ĐẾN DƯỚI 6 THÁNG2 ☐ 6 ĐẾN DƯỚI 12 THÁNG3 ☐ 12 THÁNG ĐẾN DƯỚI 5 NĂM4 ☐ 5 NĂM TRỞ LÊN5 ☐ KHÔNG DI CHUYỂN6 ☐ KT3 ←
9. Cách đây 1 năm (vào ngày 01/4 năm trước năm [NĂM ĐIỀU TRA]), [TÊN] thực tế thường trú ở tỉnh/thành phố nào hay ở nước ngoài?	Ở VIỆT NAM1 ☐ _____ (TỈNH/THÀNH PHỐ) Ở NƯỚC NGOÀI2 ☐ _____ TÊN VÀ MÃ NƯỚC C11 ←	Ở VIỆT NAM1 ☐ _____ (TỈNH/THÀNH PHỐ) Ở NƯỚC NGOÀI2 ☐ _____ TÊN VÀ MÃ NƯỚC C11 ←
10. Cách đây 1 năm, nơi thực tế thường trú nói trên của [TÊN] là phường, thị trấn hay xã ?	PHƯỜNG/THỊ TRẤN1 ☐ XÃ2 ☐	PHƯỜNG/THỊ TRẤN1 ☐ XÃ2 ☐
11. Lý do chính mà [TÊN] chuyển đến nơi ở hiện tại là gì?	TÌM VIỆC/ BẮT ĐẦU CÔNG VIỆC MỚI ...1 ☐ MẤT/HẾT VIỆC, KHÔNG TÌM ĐƯỢC VIỆC3 ☐ THEO GIA ĐÌNH/CHUYỂN NHÀ4 ☐ KẾT HÔN5 ☐ ĐI HỌC6 ☐ KHÁC7 ☐ (GHI CỤ THỂ)	TÌM VIỆC/ BẮT ĐẦU CÔNG VIỆC MỚI ...1 ☐ MẤT/HẾT VIỆC, KHÔNG TÌM ĐƯỢC VIỆC3 ☐ THEO GIA ĐÌNH/CHUYỂN NHÀ4 ☐ KẾT HÔN5 ☐ ĐI HỌC6 ☐ KHÁC7 ☐ (GHI CỤ THỂ)
KT3. KIỂM TRA CÂU 4 HOẶC CÂU 5: HỎI CHO NHỮNG NGƯỜI TỪ 5 TUỔI TRỞ LÊN		
12. Hiện nay [TÊN] đang đi học, đã thôi học hay chưa bao giờ đi học?	ĐANG ĐI HỌC1 ☐ ĐÃ THÔI HỌC2 ☐ CHƯA BAO GIỜ ĐI HỌC3 ☐ C14 KT4 ←	ĐANG ĐI HỌC1 ☐ ĐÃ THÔI HỌC2 ☐ CHƯA BAO GIỜ ĐI HỌC3 ☐ C14 KT4 ←
13. Trình độ giáo dục, đào tạo [TÊN] đang học là gì?	MẦM NON1 ☐ TIỂU HỌC/THCS/THPT:2 ☐ LỚP ĐANG HỌC: KT4 KT3.1 ← SƠ CẤP/ GIẤY PHÉP LÁI XE Ô TÔ..3 TRUNG CẤP4 ☐ CAO ĐẲNG5 ☐ ĐẠI HỌC6 ☐ THẠC SĨ7 ☐ TIẾN SĨ8 ☐ SAU TIẾN SĨ9 ☐ (GHI CỤ THỂ)	MẦM NON1 ☐ TIỂU HỌC/THCS/THPT:2 ☐ LỚP ĐANG HỌC: KT4 KT3.1 ← SƠ CẤP/ GIẤY PHÉP LÁI XE Ô TÔ..3 TRUNG CẤP4 ☐ CAO ĐẲNG5 ☐ ĐẠI HỌC6 ☐ THẠC SĨ7 ☐ TIẾN SĨ8 ☐ SAU TIẾN SĨ9 ☐ (GHI CỤ THỂ)

CÂU HỎI	TÊN VÀ SỐ THỨ TỰ		
14. Trình độ giáo dục phổ thông cao nhất [TÊN] đã tốt nghiệp/đạt được là gì?	DƯỚI TIỂU HỌC.....1 ☐ TIỂU HỌC2 ☐ TRUNG HỌC CƠ SỞ3 ☐ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG4 ☐ KT3.1 ←	DƯỚI TIỂU HỌC.....1 ☐ TIỂU HỌC2 ☐ TRUNG HỌC CƠ SỞ3 ☐ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG.....4 ☐ KT3.1 ←	
15. Lớp học phổ thông cao nhất mà [TÊN] đã học xong? (GHI LỚP PHỔ THÔNG THEO HỆ 12 NĂM)	LỚP PHỔ THÔNG.....	LỚP PHỔ THÔNG.....	
KT3.1: KIỂM TRA CÂU 4 HOẶC CÂU 5: HỎI CHO NHỮNG NGƯỜI TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN, KHÁC → KT4			
16. [TÊN] đạt được các loại trình độ nào sau đây? ĐTV ĐỌC VÀ HỎI ĐTĐT LẦN LƯỢT TỪNG TRÌNH ĐỘ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI KHÔNG CẦN HỎI CÁC TRÌNH ĐỘ TỪ CAO ĐẲNG TRỞ LÊN.	CÓ KHÔNG Sơ cấp/Giấy phép lái xe ô tô1 ☐ 2 ☐ Trung cấp1 ☐ 2 ☐ Cao đẳng1 ☐ 2 ☐ Đại học1 ☐ 2 ☐ Thạc sĩ1 ☐ 2 ☐ Tiến sĩ1 ☐ 2 ☐ Hoàn thành sau tiến sĩ.1 ☐ 2 ☐	CÓ KHÔNG Sơ cấp/Giấy phép lái xe ô tô1 ☐ 2 ☐ Trung cấp1 ☐ 2 ☐ Cao đẳng1 ☐ 2 ☐ Đại học1 ☐ 2 ☐ Thạc sĩ1 ☐ 2 ☐ Tiến sĩ1 ☐ 2 ☐ Hoàn thành sau tiến sĩ.1 ☐ 2 ☐	
17. Tổng số năm đã học xong của tất cả các trình độ đào tạo từ sơ cấp trở lên của [TÊN]? NẾU CÓ	TỔNG SỐ NĂM HỌC.....	TỔNG SỐ NĂM HỌC	
KT4: KIỂM TRA CÂU 4 HOẶC 5: HỎI CHO NGƯỜI TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN VÀ (C12 = 3 HOẶC C13 = 1 HOẶC C13 = 2 CÓ LỚP ĐANG HỌC <= 5 HOẶC C14= 1) → C18, KHÁC → KT5.			
18. Hiện nay, [TÊN] có biết đọc và biết viết không?	CÓ1 ☐ KHÔNG2 ☐	CÓ1 ☐ KHÔNG2 ☐	
KT5: KIỂM TRA CÂU 4 HOẶC CÂU 5: HỎI CHO NHỮNG NGƯỜI TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN → CÂU 19; KHÁC → KT6.			
19. Tình trạng hôn nhân hiện nay của [TÊN] là gì?	CHƯA VỢ/CHỒNG.....1 ☐ CÓ VỢ/CHỒNG2 ☐ GOÁ VỢ/CHỒNG...3 ☐ LY HÔN.....4 ☐ LY THÂN.....5 ☐ KT8 ←	CHƯA VỢ/CHỒNG.....1 ☐ CÓ VỢ/CHỒNG2 ☐ GOÁ VỢ/CHỒNG...3 ☐ LY HÔN.....4 ☐ LY THÂN.....5 ☐ KT8 ←	
KT6: KIỂM TRA C4 HOẶC C5: TỪ 15 ĐẾN 39 TUỔI VÀ C19=1 → C20; KHÁC → KT8			
20. Anh/Chị đã bao giờ nghe nói về các chủ đề dưới đây chưa ? 1. Tình yêu, hôn nhân và gia đình 2. Giới tính và tình dục 3. Hiện tượng kinh nguyệt/thụ thai 4. Kế hoạch hóa gia đình 5. Bệnh lây truyền qua đường tình dục/HIV/AIDS	CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐	CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐	
KT7: KIỂM TRA C20, NẾU CÓ MỘT TRONG CÁC MÃ TRẢ LỜI CÓ → C21 ; KHÁC → KT8			
21. Anh/Chị đã được nghe nói về các chủ đề này thông qua hình thức nào ? 1. Tự tìm hiểu qua Internet, tivi, đài, sách báo 2. Nhà trường/thầy cô giáo 3. Từ các thành viên trong gia đình 4. Từ bạn tình, người yêu 5. Các tổ chức xã hội/cơ sở y tế/nhân viên y tế/cộng tác viên dân số 6. Nguồn khác (Ghi rõ nếu chọn mã 1.Có) _____	CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐	CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐	

TÊN VÀ SỐ THỨ TỰ			
CÂU HỎI			
KT8. KIỂM TRA C4 HOẶC C5: TỪ 15 ĐẾN 39 TUỔI VÀ C19=2/3/4/5 → C22 ; KHÁC → KT8.1			
22. [TÊN] kết hôn lần đầu vào tháng, năm dương lịch nào?	THÁNG NĂM KHÔNG XĐ NĂM 9998	THÁNG NĂM KHÔNG XĐ NĂM 9998	KT8.1 KT8.1
23. Khi kết hôn lần đầu , [TÊN] bao nhiêu tuổi theo dương lịch?	TUỔI TRÒN	TUỔI TRÒN	
KT8.1: KIỂM TRA CÂU 4 HOẶC CÂU 5, HỎI CHO NGƯỜI TỪ 16-30 TUỔI → CÂU 23a; KHÁC → PHẦN 2			
23a. Trong 12 tháng qua, [TÊN] có tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật; thể dục, thể thao; hoạt động sinh hoạt cộng đồng ở nơi học tập, làm việc và cư trú không? (TRƯỜNG HỢP THÀNH VIÊN KHÔNG ĐI HỌC, NƠI HỌC TẬP CHỌN MÃ 3. KHÔNG ÁP DỤNG; TRƯỜNG HỢP THÀNH VIÊN KHÔNG ĐI LÀM, NƠI LÀM VIỆC CHỌN MÃ 3. KHÔNG ÁP DỤNG)	CÓ KHÔNG KHÔNG ÁP DỤNG Nơi học tập .1 2 3 Nơi làm việc.1 2 3 Nơi cư trú1 2 3	CÓ KHÔNG KHÔNG ÁP DỤNG Nơi học tập .1 2 3 Nơi làm việc.1 2 3 Nơi cư trú1 2 3	

PHẦN 2: THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ SINH CỦA NỮ TỪ 10 - 49 TUỔI, KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH VÀ SỨC KHOẺ SINH SẢN CỦA THÀNH VIÊN HỘ LÀ NỮ TỪ 15 - 49 TUỔI

TÊN VÀ SỐ THỨ TỰ			
CÂU HỎI			
KT9. KIỂM TRA CÂU 3 (MÃ 2), CÂU 4, CÂU 5 TỪ 10-49: ĐỂ XÁC ĐỊNH PHỤ NỮ TỪ 10-49 TUỔI → CÂU 24; KHÁC → KT13.			
24. Chị đã sinh con bao giờ chưa? (ĐÃ SINH CON: CHỈ TÍNH TRƯỜNG HỢP CON SINH RA CÓ SỰ SỐNG)	ĐÃ SINH CON1 CHƯA SINH CON2 KT12	ĐÃ SINH CON1 CHƯA SINH CON2 KT12	
25. Số con trai và số con gái do chị sinh ra đang sống cùng hộ với chị?	SỐ CON TRAI SỐ CON GÁI.....	SỐ CON TRAI SỐ CON GÁI.....	
26. Số con trai và số con gái do chị sinh ra đang sống ở nơi khác?	SỐ CON TRAI SỐ CON GÁI.....	SỐ CON TRAI SỐ CON GÁI.....	
27. Có người con nào do chị sinh ra sống nhưng đã chết không? NẾU CÓ: Số con trai, số con gái đã chết?	SỐ CON TRAI SỐ CON GÁI.....	SỐ CON TRAI SỐ CON GÁI.....	
28. Tổng số con trai và tổng số con gái do chị sinh ra?	TỔNG SỐ CON TRAI..... TỔNG SỐ CON GÁI.....	TỔNG SỐ CON TRAI..... TỔNG SỐ CON GÁI.....	
KT10. KIỂM TRA CÂU 28 = CÂU 25 + CÂU 26 + CÂU 27, NẾU SAI, KIỂM TRA LẠI THÔNG TIN CÂU 25, CÂU 26 VÀ CÂU 27; NẾU ĐÚNG CHUYỂN SANG CÂU 29			
29. Tháng, năm dương lịch của lần sinh gần nhất?	THÁNG..... NĂM	THÁNG..... NĂM	
30. Số con trai, con gái của lần sinh gần nhất? (LƯU Ý: HỎI SỐ CON CỦA LẦN SINH GẦN NHẤT Ở CÂU 29)	SỐ CON TRAI SỐ CON GÁI.....	SỐ CON TRAI SỐ CON GÁI.....	
KT11. KIỂM TRA CÂU 29: THÁNG, NĂM CỦA LẦN SINH GẦN NHẤT TRONG VÒNG 2 NĂM : TỪ THÁNG 4/[NĂM ĐIỀU TRA-2] ĐẾN THÁNG 3/[NĂM ĐIỀU TRA] → CÂU 31; KHÁC → CÂU KT12			

CÂU HỎI	TÊN VÀ SỐ THỨ TỰ		
31. Trong thời gian mang thai của lần sinh gần nhất, chị có đi khám thai không? NẾU CÓ: Chị khám mấy lần tất cả?	CÓ1 ☐ SỐ LẦN ☐ KHÔNG2 ☐	CÓ1 ☐ SỐ LẦN ☐ KHÔNG2 ☐	
32. Chị có biết giới tính của thai nhi trước khi sinh không?	CÓ1 ☐ KHÔNG2 ☐ → C35	CÓ1 ☐ KHÔNG2 ☐ → C35	
33. Chị biết giới tính của thai nhi khi thai được mấy tuần tuổi?	SỐ TUẦN KHÔNG BIẾT98 ☐	SỐ TUẦN KHÔNG BIẾT98 ☐	
34. Chị biết giới tính của thai nhi bằng cách nào?	SIÊU ÂM1 ☐ BẮT MẠCH2 ☐ ĐOÁN3 ☐ KHÁC4 ☐ (GHI CỤ THỂ)	SIÊU ÂM1 ☐ BẮT MẠCH2 ☐ ĐOÁN3 ☐ KHÁC4 ☐ (GHI CỤ THỂ)	
35. Khi mang thai lần sinh gần nhất, chị muốn là con trai, con gái hay con nào cũng được?	CON TRAI1 ☐ CON GÁI2 ☐ CON NÀO CŨNG ĐƯỢC3 ☐	CON TRAI1 ☐ CON GÁI2 ☐ CON NÀO CŨNG ĐƯỢC3 ☐	
36. Ai đỡ đẻ cho chị trong lần sinh con gần nhất?	CÁN BỘ Y TẾ1 ☐ NHÂN VIÊN Y TẾ THÔN BẢN/ CÔ ĐỖ THÔN/BẢN2 ☐ KHÁC3 ☐ (GHI CỤ THỂ) KHÔNG CÓ AI4 ☐	CÁN BỘ Y TẾ1 ☐ NHÂN VIÊN Y TẾ THÔN BẢN/ CÔ ĐỖ THÔN/BẢN2 ☐ KHÁC3 ☐ (GHI CỤ THỂ) KHÔNG CÓ AI4 ☐	
KT12. HỎI CHO NGƯỜI LÀ NỮ TỪ 15-49 TUỔI, HIỆN ĐANG Ở VIỆT NAM VÀ HIỆN ĐANG CÒN SỐNG: KIỂM TRA CÂU 3 (MÃ 2), CÂU 4 VÀ CÂU 5 CÓ TUỔI TỪ 15-49 TUỔI VÀ LOẠI NKTTTT (ĐÃ CHẾT SAU THỜI ĐIỂM ĐIỀU TRA HOẶC ĐANG Ở NƯỚC NGOÀI TRONG THỜI HẠN CHO PHÉP) CÓ CÂU Q5=1 HOẶC Q4e=1 → CÂU 37; KHÁC → KT13			
37. Hiện nay, chị có nhu cầu sử dụng biện pháp tránh thai không? (Không hỏi phần BPTT từ Câu 37 đến Câu 44 với Nữ tuổi 15-49 đã chết sau thời điểm điều tra/đang ở nước ngoài trong thời hạn cho phép)	CÓ1 ☐ KHÔNG2 ☐	CÓ1 ☐ KHÔNG2 ☐	
38a. Chị có thể từ chối chồng/bạn tình nếu như không muốn quan hệ tình dục không?	CÓ1 ☐ KHÔNG/TÙY THUỘC2 ☐ KHÔNG CHẮC CHẮN3 ☐	CÓ1 ☐ KHÔNG/TÙY THUỘC2 ☐ KHÔNG CHẮC CHẮN3 ☐	
38b. Ai là người thường xuyên quyết định có hoặc không sử dụng biện pháp tránh thai?	BẢN THÂN1 ☐ CHỒNG/BẠN TÌNH2 ☐ CẢ HAI3 ☐ NGƯỜI KHÁC4 ☐ (GHI CỤ THỂ)	BẢN THÂN1 ☐ CHỒNG/BẠN TÌNH2 ☐ CẢ HAI3 ☐ NGƯỜI KHÁC4 ☐ (GHI CỤ THỂ)	
38c. Ai là người thường ra quyết định về chăm sóc sức khỏe sinh sản của chị?	BẢN THÂN1 ☐ CHỒNG/BẠN TÌNH2 ☐ CẢ HAI3 ☐ NGƯỜI KHÁC4 ☐ (GHI CỤ THỂ)	BẢN THÂN1 ☐ CHỒNG/BẠN TÌNH2 ☐ CẢ HAI3 ☐ NGƯỜI KHÁC4 ☐ (GHI CỤ THỂ)	

TÊN VÀ SỐ THỨ TỰ		
CÂU HỎI		
39. Hiện nay, anh chị có sử dụng biện pháp tránh thai nào không?	CÓ.....1 ☐ KHÔNG2 ☐ → C41	CÓ1 ☐ KHÔNG2 ☐ → C41
40. Đó là biện pháp gì?	VÒNG.....01 ☐ THUỐC UỐNG02 ☐ TIÊM.....03 ☐ CÂY.....04 ☐ MÀNG NGĂN.....05 ☐ KEM.....06 ☐ BAO CAO SU07 ☐ ĐÌNH SẴN NAM.....08 ☐ ĐÌNH SẴN NỮ.....09 ☐ TÍNH VÒNG KINH10 ☐ XUẤT TINH NGOÀI.....11 ☐ KHÁC12 ☐ (GHI CỤ THỂ) C42 ←	VÒNG.....01 ☐ THUỐC UỐNG.....02 ☐ TIÊM.....03 ☐ CÂY.....04 ☐ MÀNG NGĂN.....05 ☐ KEM.....06 ☐ BAO CAO SU.....07 ☐ ĐÌNH SẴN NAM.....08 ☐ ĐÌNH SẴN NỮ.....09 ☐ TÍNH VÒNG KINH.....10 ☐ XUẤT TINH NGOÀI.....11 ☐ KHÁC.....12 ☐ (GHI CỤ THỂ) C42 ←
41. Lý do chính mà anh chị không sử dụng biện pháp tránh thai là gì? CHỮ VIẾT TẮT: BPTT: BIỆN PHÁP TRÁNH THAI	KHÔNG QUAN HỆ TÌNH DỤC..... 01 ☐ ĐANG CÓ THAI/NUÔI CON BÚ02 ☐ MUỐN CÓ CON..... 03 ☐ CHƯA HIỂU BIẾT..... 04 ☐ CÓ TÁC DỤNG PHỤ SAU KHI SỬ DỤNG BPTT 05 ☐ KHÓ THỤ THAI/ĐÃ MẮN KINH..... 06 ☐ KHÔNG CÓ SẴN BPTT 07 ☐ KHÔNG ĐỦ KHẢ NĂNG CHI TRẢ.. 08 ☐ KHÁC..... 09 ☐ (GHI CỤ THỂ)	KHÔNG QUAN HỆ TÌNH DỤC..... 01 ☐ ĐANG CÓ THAI/NUÔI CON BÚ02 ☐ MUỐN CÓ CON..... 03 ☐ CHƯA HIỂU BIẾT..... 04 ☐ CÓ TÁC DỤNG PHỤ SAU KHI SỬ DỤNG BPTT 05 ☐ KHÓ THỤ THAI/ĐÃ MẮN KINH..... 06 ☐ KHÔNG CÓ SẴN BPTT... 07 ☐ KHÔNG ĐỦ KHẢ NĂNG CHI TRẢ.. 08 ☐ KHÁC..... 09 ☐ (GHI CỤ THỂ)
42. Trong 12 tháng qua, chị có hút thai hay nạo/phá thai không?	CÓ.....1 ☐ KHÔNG2 ☐ → KT13	CÓ.....1 ☐ KHÔNG2 ☐ → KT13
43. Lý do chính mà chị đã hút thai hay nạo/phá thai trong 12 tháng qua là gì?	DO SỨC KHỎE MẸ.....1 ☐ CHỮA NGOÀI DẠ CON.....2 ☐ MANG THAI NGOÀI Ý MUỐN3 ☐ KHÁC.....4 ☐ (GHI CỤ THỂ)	DO SỨC KHỎE MẸ.....1 ☐ CHỮA NGOÀI DẠ CON.....2 ☐ MANG THAI NGOÀI Ý MUỐN3 ☐ KHÁC.....4 ☐ (GHI CỤ THỂ)
44. Chị có bị tai biến do hút thai hay nạo/phá thai không? NẾU CÓ: Đó là tai biến gì?	KHÔNG BỊ TAI BIẾN.....1 ☐ RÁCH/THÙNG TỬ CUNG.....2 ☐ CHẢY MÁU/BĂNG HUYẾT3 ☐ SÓT THAI/SÓT RAU.....4 ☐ NHIỄM TRÙNG.....5 ☐ KHÁC6 ☐ (GHI CỤ THỂ)	KHÔNG BỊ TAI BIẾN.....1 ☐ RÁCH/THÙNG TỬ CUNG.....2 ☐ CHẢY MÁU/BĂNG HUYẾT3 ☐ SÓT THAI/SÓT RAU.....4 ☐ NHIỄM TRÙNG.....5 ☐ KHÁC6 ☐ (GHI CỤ THỂ)

KT13. NẾU CÒN ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA → CÂU 1; HẾT ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA → PHẦN 3.

PHẦN 3: THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CHẾT CỦA HỘ

45. Từ ngày [ngày/tháng/năm dương lịch của tết âm lịch năm điều tra-1] (tức ngày 01 Tết Âm lịch [TÊN TẾT ÂM LỊCH NĂM ĐIỀU TRA-1] năm [NĂM ĐIỀU TRA-1]) đến hết ngày 31/03/[NĂM ĐIỀU TRA], trong hộ ông/bà có nhân khẩu thực tế thường trú nào đã chết không (kể cả cháu nhỏ)?		CÓ.....1 ☐	KHÔNG.....2 ☐ → KẾT THÚC PV
CÂU HỎI SỐ THỨ TỰ	NGƯỜI CHẾT THỨ..... ☐	NGƯỜI CHẾT THỨ..... ☐	
46. Xin ông/bà cho biết họ và tên của (từng) người chết?			
47. [TÊN] là nam hay nữ?	NAM.....1 ☐ NỮ.....2 ☐	NAM.....1 ☐ NỮ.....2 ☐	
48. [TÊN] chết vào tháng, năm dương lịch nào?	THÁNG..... NĂM.....20	THÁNG..... NĂM.....20	
49. [TÊN] sinh vào tháng, năm dương lịch nào?	THÁNG..... NĂM..... C51 KXĐ NĂM.....9998 ☐	THÁNG..... NĂM..... C51 KXĐ NĂM.....9998 ☐	
50. Khi chết, [TÊN] được bao nhiêu tuổi theo dương lịch?	TUỔI TRÒN.....	TUỔI TRÒN.....	
51. [TÊN] chết vì nguyên nhân gì?	BỆNH TẬT/CHẾT GIÀ.....1 ☐ TAI NẠN LAO ĐỘNG.....2 ☐ TAI NẠN GIAO THÔNG.....3 ☐ TAI NẠN KHÁC.....4 ☐ TỰ TỬ.....5 ☐ KHÁC.....6 ☐ (GHI CỤ THỂ)	BỆNH TẬT/CHẾT GIÀ.....1 ☐ TAI NẠN LAO ĐỘNG.....2 ☐ TAI NẠN GIAO THÔNG.....3 ☐ TAI NẠN KHÁC.....4 ☐ TỰ TỬ.....5 ☐ KHÁC.....6 ☐ (GHI CỤ THỂ)	
52. [TÊN] chết đã được đăng ký khai tử chưa?	ĐÃ ĐĂNG KÝ.....1 ☐ CHƯA ĐĂNG KÝ.....2 ☐	ĐÃ ĐĂNG KÝ.....1 ☐ CHƯA ĐĂNG KÝ.....2 ☐	

HỌ VÀ TÊN NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN : _____
SỐ ĐIỆN THOẠI NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN : _____

Tổng cục Thống kê trân trọng cảm ơn ông/bà đã cung cấp thông tin.
Thông tin do ông/bà cung cấp chỉ được sử dụng cho mục đích thống kê
và được bảo mật theo quy định của Luật Thống kê.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỔNG CỤC THỐNG KÊ PHIẾU ĐIỀU TRA BIẾN ĐỘNG DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH THỜI ĐIỂM 01/4/[NĂM ĐIỀU TRA] (Phiếu thu thập thông tin dành cho hộ có toàn bộ thành viên là người nước ngoài)	THÔNG TIN ĐỊNH DANH (Điều tra viên ghi)					
	XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN:					
	ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA:					
HỌ TÊN:						
Thông tin thu thập tại cuộc điều tra này được thực hiện theo Quyết định số 1693/QĐ-BKHTD ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; được sử dụng và bảo mật theo quy định của Luật Thống kê						

PHẦN 1: THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HỘ

THÀNH VIÊN	NGƯỜI THỨ 01	NGƯỜI THỨ 02	NGƯỜI THỨ 03	NGƯỜI THỨ 04	NGƯỜI THỨ 05	NGƯỜI THỨ 06
CÂU HỎI						
1. Xin ông/bà cho biết họ và tên từng người trong hộ, bắt đầu từ chủ hộ? (Theo phiên âm tiếng La-tinh)						
2. [TÊN] có quan hệ thế nào với chủ hộ?	CHỦ HỘ.....1 ☐ VỢ/CHỒNG.....2 ☐ CON ĐỂ.....3 ☐ CHÁU NỘI/NGOẠI.....4 ☐ BỐ/MẸ.....5 ☐ QUAN HỆ GIA ĐÌNH KHÁC.....6 ☐ KHÔNG QUAN HỆ GIA ĐÌNH.....7 ☐	CHỦ HỘ.....1 ☐ VỢ/CHỒNG.....2 ☐ CON ĐỂ.....3 ☐ CHÁU NỘI/NGOẠI.....4 ☐ BỐ/MẸ.....5 ☐ QUAN HỆ GIA ĐÌNH KHÁC.....6 ☐ KHÔNG QUAN HỆ GIA ĐÌNH.....7 ☐	CHỦ HỘ.....1 ☐ VỢ/CHỒNG.....2 ☐ CON ĐỂ.....3 ☐ CHÁU NỘI/NGOẠI.....4 ☐ BỐ/MẸ.....5 ☐ QUAN HỆ GIA ĐÌNH KHÁC.....6 ☐ KHÔNG QUAN HỆ GIA ĐÌNH.....7 ☐	CHỦ HỘ.....1 ☐ VỢ/CHỒNG.....2 ☐ CON ĐỂ.....3 ☐ CHÁU NỘI/NGOẠI.....4 ☐ BỐ/MẸ.....5 ☐ QUAN HỆ GIA ĐÌNH KHÁC.....6 ☐ KHÔNG QUAN HỆ GIA ĐÌNH.....7 ☐	CHỦ HỘ.....1 ☐ VỢ/CHỒNG.....2 ☐ CON ĐỂ.....3 ☐ CHÁU NỘI/NGOẠI.....4 ☐ BỐ/MẸ.....5 ☐ QUAN HỆ GIA ĐÌNH KHÁC.....6 ☐ KHÔNG QUAN HỆ GIA ĐÌNH.....7 ☐	CHỦ HỘ.....1 ☐ VỢ/CHỒNG.....2 ☐ CON ĐỂ.....3 ☐ CHÁU NỘI/NGOẠI.....4 ☐ BỐ/MẸ.....5 ☐ QUAN HỆ GIA ĐÌNH KHÁC.....6 ☐ KHÔNG QUAN HỆ GIA ĐÌNH.....7 ☐
3. Giới tính của [TÊN] là?	NAM...1 ☐ NỮ...2 ☐	NAM...1 ☐ NỮ...2 ☐	NAM...1 ☐ NỮ...2 ☐	NAM...1 ☐ NỮ...2 ☐	NAM...1 ☐ NỮ...2 ☐	NAM...1 ☐ NỮ...2 ☐
4. [TÊN] sinh vào tháng, năm dương lịch nào?	THÁNG..... NĂM.....	THÁNG..... NĂM.....	THÁNG..... NĂM.....	THÁNG..... NĂM.....	THÁNG..... NĂM.....	THÁNG..... NĂM.....
6a. Quốc tịch của [TÊN]? (Xin ghi tên nước theo phiên âm tiếng La-tinh)	VIỆT NAM.....1 ☐ NƯỚC NGOÀI.....2 ☐ TÊN NƯỚC.....	VIỆT NAM.....1 ☐ NƯỚC NGOÀI.....2 ☐ TÊN NƯỚC.....	VIỆT NAM.....1 ☐ NƯỚC NGOÀI.....2 ☐ TÊN NƯỚC.....	VIỆT NAM.....1 ☐ NƯỚC NGOÀI.....2 ☐ TÊN NƯỚC.....	VIỆT NAM.....1 ☐ NƯỚC NGOÀI.....2 ☐ TÊN NƯỚC.....	VIỆT NAM.....1 ☐ NƯỚC NGOÀI.....2 ☐ TÊN NƯỚC.....
6b. Nơi sinh của [TÊN]? (Xin ghi tên nước theo phiên âm tiếng La-tinh)	VIỆT NAM.....1 ☐ NƯỚC NGOÀI.....2 ☐ TÊN NƯỚC.....	VIỆT NAM.....1 ☐ NƯỚC NGOÀI.....2 ☐ TÊN NƯỚC.....	VIỆT NAM.....1 ☐ NƯỚC NGOÀI.....2 ☐ TÊN NƯỚC.....	VIỆT NAM.....1 ☐ NƯỚC NGOÀI.....2 ☐ TÊN NƯỚC.....	VIỆT NAM.....1 ☐ NƯỚC NGOÀI.....2 ☐ TÊN NƯỚC.....	VIỆT NAM.....1 ☐ NƯỚC NGOÀI.....2 ☐ TÊN NƯỚC.....
9. Cách đây 1 năm (vào ngày 01/4/[NĂM ĐIỀU TRA], [TÊN] thực tế thường trú ở tỉnh/thành phố nào hay nước ngoài? (Xin ghi tên nước theo phiên âm tiếng La-tinh)	KHÔNG Ở VIỆT NAM...1 ☐ TÊN NƯỚC..... Ở VIỆT NAM.....2 ☐ TỈNH/THÀNH PHỐ.....	KHÔNG Ở VIỆT NAM...1 ☐ TÊN NƯỚC..... Ở VIỆT NAM.....2 ☐ TỈNH/THÀNH PHỐ.....	KHÔNG Ở VIỆT NAM...1 ☐ TÊN NƯỚC..... Ở VIỆT NAM.....2 ☐ TỈNH/THÀNH PHỐ.....	KHÔNG Ở VIỆT NAM...1 ☐ TÊN NƯỚC..... Ở VIỆT NAM.....2 ☐ TỈNH/THÀNH PHỐ.....	KHÔNG Ở VIỆT NAM...1 ☐ TÊN NƯỚC..... Ở VIỆT NAM.....2 ☐ TỈNH/THÀNH PHỐ.....	KHÔNG Ở VIỆT NAM...1 ☐ TÊN NƯỚC..... Ở VIỆT NAM.....2 ☐ TỈNH/THÀNH PHỐ.....
HỎI CHO NGƯỜI TỪ 5 TUỔI TRỞ LÊN (SINH TỪ THÁNG 3 NĂM [NĂM ĐIỀU TRA-5] TRỞ VỀ TRƯỚC)						

THÀNH VIÊN CÂU HỎI	NGƯỜI THỨ 01	NGƯỜI THỨ 02	NGƯỜI THỨ 03	NGƯỜI THỨ 04	NGƯỜI THỨ 05	NGƯỜI THỨ 06
53. Tính đến 01/4/[NĂM ĐIỀU TRA], [TÊN] đã sinh sống liên tục tại Việt Nam được bao nhiêu tháng?	DƯỚI 6 THÁNG.....1 ☐ TỪ 6 THÁNG TRỞ LÊN.2 ☐ KẾT THÚC PHÒNG VẤN	DƯỚI 6 THÁNG.....1 ☐ TỪ 6 THÁNG TRỞ LÊN.2 ☐ KẾT THÚC PHÒNG VẤN	DƯỚI 6 THÁNG.....1 ☐ TỪ 6 THÁNG TRỞ LÊN.2 ☐ KẾT THÚC PHÒNG VẤN	DƯỚI 6 THÁNG.....1 ☐ TỪ 6 THÁNG TRỞ LÊN.2 ☐ KẾT THÚC PHÒNG VẤN	DƯỚI 6 THÁNG.....1 ☐ TỪ 6 THÁNG TRỞ LÊN.2 ☐ KẾT THÚC PHÒNG VẤN	DƯỚI 6 THÁNG.....1 ☐ TỪ 6 THÁNG TRỞ LÊN.2 ☐ KẾT THÚC PHÒNG VẤN
54. [TÊN] có ý định sinh sống lâu dài (từ 6 tháng trở lên) tại Việt Nam không?	CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐	CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐	CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐	CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐	CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐	CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐

HỌ VÀ TÊN NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN: _____

SỐ ĐIỆN THOẠI NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN: _____

ĐỊA CHỈ CỦA HỌ: _____

*Tổng cục Thống kê trân trọng cảm ơn ông/bà đã cung cấp thông tin.
Thông tin do ông/bà cung cấp chỉ được sử dụng cho mục đích thống kê
và được bảo mật theo quy định của Luật Thống kê.*